

VÀI SUY NGHĨ VỀ VIỆC SỬ DỤNG PHƯƠNG NGỮ NAM BỘ Ở CÁC TRƯỜNG HỌC ĐBSCL HIỆN NAY

Lê Xuân*

Hiện nay, nhiều Sở GD-ĐT ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã biên soạn được chương trình giảng dạy Ngữ văn địa phương. Nhiều tỉnh có công trình nghiên cứu, in thành sách phục vụ giảng dạy như Tiền Giang, Bến Tre, Cần Thơ... Phần lớn các công trình này đều chỉ ra được cái sai trong cách phát âm của địa phương mình, đồng thời góp phần bổ sung vốn phương ngữ Nam Bộ vào kho từ vựng chung của nước nhà mà các vùng miền khác không có được.

1. Đặt vấn đề

“Ngôn ngữ là thứ của cải vô cùng quý báu và lâu đời của dân tộc” (Bác Hồ). Vì thế việc bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt là rất quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên, trong quá trình giao thoa văn hóa giữa các vùng, các miền, các nước... một bộ phận ngôn ngữ cũng bị “cải cách” theo, hoặc bị biến dạng, biến thể theo chiều hướng có lợi. Đặc biệt phương ngữ của mỗi vùng, miền góp phần làm rõ hơn bản sắc dân tộc của vùng, miền ấy và góp phần làm giàu hơn kho tàng từ vựng tiếng Việt.

Ở khu vực ĐBSCL, phương ngữ thể hiện khá rõ trong lời ăn tiếng nói của nhân dân và trong các tác phẩm văn học. Nó làm nên bản sắc riêng của người dân nơi đây. Xét trên các bình diện ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa và phong cách diễn đạt thì phương ngữ Nam Bộ cũng như phương ngữ ở địa phương khác đều có sự giao thoa, tiếp thu, cải biến giữa các vùng miền mà cư dân mang theo trong quá trình di “mở cõi”. Các trường từ Mẫu giáo tới THPT ở ĐBSCL đã được các thầy cô giáo đã sử dụng phương ngữ Nam Bộ ở mức độ nào trong giao tiếp với học sinh và giảng dạy, nhất là trong các giờ dạy Ngữ văn, Tiếng Việt để làm sao vừa cung cấp vốn từ ngữ phổ thông cho các em, vừa chỉ ra cái hay, cái đẹp và cả những hạn chế của phương ngữ đó.

Về mặt địa lý, Nam Bộ được tính từ các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh đến Cà Mau. Phương ngữ Nam Bộ có những nét khu biệt với phương ngữ Bắc Bộ hay Trung Bộ, mà những phương ngữ khác khó xâm nhập. Nếu ở miền Bắc tiếng Hà Nội khác tiếng Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh... thì ở Nam Bộ tiếng Sài Gòn và tiếng 13 tỉnh, thành khu vực ĐBSCL nói chung không khác nhau mấy. Nghĩa là chúng có sự thống nhất tương đối cao. Nếu phần lớn các tỉnh phía Bắc gọi *cái bát*, Nghệ An, Hà Tĩnh gọi là *cái đọi*, thì ở Nam Bộ gọi là *cái chén*. Nếu ở các tỉnh phía Bắc nơi thì gọi *cha- mẹ, bố- mẹ, thầy- u*, nơi gọi là

* Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

cậu -mợ, bố- bầm, thầy- bu, ả- êm (người Thái)... thì ở Nam Bộ gọi là *ba- má, tí- dú*. Ngược lại, có một số từ ngữ ở miền Bắc, miền Trung gọi bằng một tên, như: **thuyền** hay **đò** thì ở Nam Bộ lại có nhiều tên gọi khác nhau để chỉ rõ đặc trưng, công dụng, kích cỡ của mỗi loại khi tham gia giao thông thủy, như: **tàu, ghe**. Riêng loại “ghè” có tới hơn chục tên gọi: *ghè chài, ghè be, ghè bầu, ghè cui, ghè cửa, ghè giàn, ghè lồng, ghè lườn, ghè ngo, ghè tam bản, rồi xuống ba lá, vỏ lãi, tắc ráng, trệt...* Nhìn cách trang trí màu sắc ở mũi ghè, lườn ghè là người ta có thể biết ngay đó là ghè ở địa phương nào. Ghè thương hồ của người Gia Định có đặc điểm:

*Ghe ai đỏ mũi xanh lườn
Phải ghè Gia Định xuống vườn thăm em.*

(Ca dao)

2. Song, cũng không ít điều băn khoăn, trăn trở vì học sinh nơi đây phát âm sai quá nhiều so với tiếng phổ thông. Phát âm sai ở phụ âm đầu nhiều nhất ở là phụ âm “r”. Người Nam Bộ phát âm: “Con cá **gô** (rô), bỏ trong **gổ** (rổ), nhảy **gồ gồ** (rồ rồ), hoặc **Gau găm, gau ghém, gau gừng** (rau răm, rau ghém, rau vừng). Cách phát âm này gần như phổ biến ở ĐBSCL.

Từ Tây Ninh qua Long An, xuống Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang... thường phát âm “r” thành “d”. Ví dụ: *rau răm* thành *dao dằm, cá rô* thành *cá dô... rô ràng* thành *đổ dàng*. Đặc biệt tỉnh Bến Tre (trừ 2 huyện Chợ Lách và Bình Đại), phụ âm “tr” phát âm thành “t”. Ví dụ: *cây tre, cây trúc* thành *cây te, cây túc*.

Vùng Gò Công cũ (bao gồm các huyện Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang và Cần Đước, Cần Giuộc tỉnh Long An) có cách phát âm “ng” thành “qu”. Ví dụ: *ông ngoại* thành *ông quại*.

Vùng Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh có cách phát âm “th” thành “kh”. Ví dụ: *cái thùng* thành *cái khùng, đi thẳng* thành *đi khăng*.

Ở ĐBSCL còn có hiện tượng phát âm mất nguyên âm đệm hoặc mất nguyên âm chính, chỉ giữ lại nguyên âm đệm. Chẳng hạn *đoàn viên, đoàn kết* thành *đòn viên, đòn kết* hoặc *đàn viên, đàn kết*. Đặc biệt vùng Tây Ninh và khu vực Long An giáp biên giới Campuchia có cách phát âm “ê” thành “i”. Chẳng hạn *com nếp, cái đệm* thành *com níp, cái đim*. “ươ” thành “ơ”; *trái mướp* thành *trái mốp, ăn cươp* thành *ăn cốp, đám cưới* thành *đám cừ, tức cưới* thành *tức cừ...*

Ở ĐBSCL phát âm phụ âm cuối không phân biệt “n” và “ng”, “c” và “t”. Ví dụ: *cục than* thành *cục thang, cái thang* thành *cái than*. Rất nhiều cặp phụ âm cuối phát âm không phân biệt: *mái* và *máy, lụt* và *lục, lang* và *lan...* Tất cả những cách phát âm sai ấy, nhiều học sinh viết y chang vào bài. Một trang A4 bài làm văn của học sinh THCS ở ĐBSCL có tới mấy chục lỗi chính tả kiểu trên. Chúng ta phải từ từ uốn nắn và phân tích rõ sự khác nhau giữa *văn nói* và *văn viết* để các em thấy được nội dung, ngữ nghĩa của từ ngữ chứa đựng trong cái “vô âm thanh” của từ ngữ ấy, thì các em mới có cách viết đúng theo tiếng phổ thông.

Có học sinh thắc mắc: Tại sao trong một số bài thơ, truyện ký, tiểu thuyết nhiều tác giả lại viết đúng với cách phát âm của phương ngữ ĐBSCL như vậy? Liệu có phải tác giả cố ý không hay đó là viết sai chính tả? Đây là một câu hỏi lý thú. Có thể tạm thời lý giải

đơn giản thế này: Để tác phẩm đậm đà bản sắc dân tộc, khắc họa được đúng tính cách, tâm lý nhân vật ở mỗi vùng miền, nhà văn, nhà thơ đã lựa chọn những từ ngữ mang tính vùng miền nhất định để đưa vào tác phẩm. Khi đọc lên ta có thể thấy ngay đó là người miền Nam, miền Trung hay miền Bắc. Đó là người Hà Nội, Huế hay Cần Thơ... Chính điều này làm nên bản sắc riêng, độc đáo của tác phẩm, là một trong những yếu tố tạo nên sự thành công của tác giả.

Phương ngữ Nam Bộ có tính kế thừa và bổ sung ngôn ngữ chung, nhưng vẫn mang sắc thái riêng. Từ đặc điểm nước lên xuống ngày 2 lần ở ĐBSCL mà người ta có nhiều tên gọi về nước. Gọi nước **lên** hay **xuống**, ở Nam Bộ có tới mấy chục từ ngữ để diễn tả, như: *nước lớn, nước ròng, nước ròng, nước kém, nước đứng, nước nhữn, nước ương, nước đỏ, nước ngập, nước nổi, nước quay, nước lụt, nước giựt, nước rút, nước chảy, nước trôi, nước nhảy, nước bò...* Riêng **nước ròng** còn được phân biệt: *nước ròng cạn, nước ròng sát, nước ròng rặc, nước ròng kiệt*, hay còn gọi tắt là *nước cạn, nước sát, nước rặc, nước kiệt*... Thời điểm nước đứng phương ngữ Nam Bộ gọi là “**nước nhữn**”. Thời gian từ đỉnh triều cường đến đỉnh triều nhược, gọi là **nước ròng**; từ đỉnh triều nhược đến đỉnh triều cường gọi là **nước lớn**. “**Nước lớn chảy vô, nước ròng chảy ra**” đó là câu thành ngữ mô tả hiện tượng thiên nhiên ở ĐBSCL, có nghĩa phải sinh là người ta chỉ biết dựa vào thiên nhiên chứ không biết chinh phục thiên nhiên, tới đâu hay tới đó. Tại đỉnh triều nhược nước chuẩn bị lớn gọi là nước **nhữn lớn**, tại đỉnh triều cường có nước **nhữn ròng**. Ở ĐBSCL có 2 mùa gió Tây Nam và Đông Nam, phương ngữ gọi là gió **Nồm** và gió **Chướng** (Nồm xuôi dòng Cửu Long, Chướng ngược dòng Cửu Long). Cửa sông, Nam Bộ gọi là **vàm**.

Có những phương ngữ đi sâu vào tiềm thức người dân. Nếu bạn hỏi người Long An: “**Quê bạn có nhiều lúa không?**” Câu trả lời: “**Hằng hà!**” Còn người Vĩnh Long sẽ trả lời: “**Nhốc luôn!**” (với nghĩa rất nhiều). Từ “cà” có thể thêm vào nhiều từ kết hợp để tạo ra sắc thái biến động không ngừng: **cà nhúng, cà nhấc, cà chớn cà cháo, cà khịa, cà rịch cà tang...**

ĐBSCL là vựa lúa, thủy sản, trái cây... vì thế những danh từ liên quan đến nông sản, nông cụ, thủy sản rất phong phú. Đơn cử những từ liên quan tới cây lúa thôi, chưa chắc một học sinh thành phố hay thị xã trong vùng đã biết hết: gốc lúa gọi là **rq**, thân lúa thu hoạch xong gọi là **rom**, nơi hạt lúa dính vào gọi là **gié**. Lúa tròn mình gọi là trổ **đòng đòng**. Vỏ lúa: **trấu**. Hạt gạo bị mẻ ra: **tấm**. Chát bột vàng bao quanh hạt gạo: **cám**. trấu nhỏ gọi là **trấu cànq**, tấm nhỏ gọi là **tấm mắn**. Thành ngữ: “**lo chuyện tấm mắn**”. Nhiều em ở TP Hồ Chí Minh còn chưa biết con trâu con bò thế nào mà chỉ mới thấy trên phim. Có em khi về vùng quê, thấy người ta chặt cả cây chuối để lấy buồng đã hỏi: Sao không để nó sống sang năm sanh ra buồng khác? (Nhưng thôi, đó là chuyện về kiến thức thực tế). Ngay chuyện con **cá quả** trong ngôn ngữ cả nước, Nam Bộ gọi là **cá lóc**. Nhưng khu vực Long An, Tiền Giang, **cá lóc nhỏ cỡ cổ tay** trở xuống gọi là **cá tràu**, giống như miền Trung gọi tên cá quả vậy. **Cá lóc nhỏ quá** thì Nam Bộ gọi là **cá tràu cứng**.

Trong quá trình giao lưu giữa các vùng, miền, các dân tộc thì một số phương ngữ Nam Bộ đã có sự vay mượn làm phong phú thêm vốn từ ngữ của cộng đồng cư dân ở xen lẫn với nhau, như: nói “sáng **say**, chiều **xỉn**, tối **xà quắn**” thì đều chỉ người say rượu ở những mức độ khác nhau (người Kinh gọi là **say**, người Hoa gọi là **xỉn**, người Khmer gọi

là **xà quần**). Nhưng nói “say” chỉ là ở mức độ thấp, còn “xỉn” nặng hơn “say”, nói “xà quần” thì say tới mức không biết gì nữa...

3. Khi dạy một số tác phẩm của các tác giả Nam Bộ như: Hồ Biểu Chánh, Sơn Nam, Đoàn Giỏi, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng... được đưa vào sách giáo khoa thì chúng ta cần chú ý chỉ ra cái hay cái đẹp của phương ngữ Nam Bộ. Nhưng ở mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ lịch sử, từ ngữ này dùng cũng khác nhau. Một số từ ngữ trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh những năm đầu thế kỷ XX nay ít dùng. Ví dụ: Ông miêu tả cảnh ngoài đồng ruộng chỉ bằng vài nét đơn sơ mà gây ấn tượng: Một bữa nọ nhằm tiết tháng bảy, **trời mưa lu ầm, lu ỳ**. Ngoài đồng nông phu làm **lăng xăng**, người thì phát cỏ, kẻ thì lo **trục đất**. Mấy đám mạ gió thổi dợn sóng vàng vàng, trong hào ấu trái già cuống đỏ đỏ (Phụ nữ Tân văn - số 32, trang 31). Và đây là cảnh ngoài đồng với bao màu sắc âm thanh ở một vùng quê Nam Bộ cách ta gần thế kỷ: **Mặt trời chen lặn, ếch uệch oac kêu vang mé hào, trâu no năn đi lẩn về xóm. Lúa cấy đã giáp đông hết rồi, đám nào chưa bén thì coi vàng khè, đám nào đã nở thì coi xanh mướt**. (Phụ nữ Tân văn số 35, trang 30).

Trong các câu hò, điệu lý Nam Bộ thì phương ngữ khi chân chất, mộc mạc, khi gồ ghề, gai góc. Hãy nghe lời một chàng trai Nam Bộ chọc ghẹo cô gái: *Con cò nó mổ con lươn/ Bớ chị ghe lườn muốn tía tôi hôn?* Hay: *Anh thương em từ đầu tới đít/ Đêm anh muốn nằm khít bên em*. Hoặc: *Gió đưa buồn ngủ lên bờ/ Mừng em có rộng cho qua ngủ nhờ một đêm?* Hay: *Xỉn quần em lội qua lung/ Quần em lỡ tụt anh hun chỗ nào?/ Anh hun thì hun má đào/ Quần em lỡ tụt cấm sào ngủ luôn*.

Vào những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI việc sử dụng phương ngữ Nam Bộ mang sắc thái hiện đại hơn. Nhà văn trẻ Nguyễn Ngọc Tư là người thành công hơn cả. Cũng tả cảnh, tả người và sự việc nhưng ngôn ngữ của Nguyễn Ngọc Tư trong các truyện ngắn đã khác xa thời Hồ Biểu Chánh và các anh chị trước mình. Phương ngữ Nam Bộ được Tư đưa vào đúng lúc đúng chỗ, khắc họa chiều sâu tâm lý nhân vật và cảnh sắc thiên nhiên vùng sông nước. Đến với văn của Nguyễn Ngọc Tư, độc giả có thể hình dung rất rõ về vùng đất Nam Bộ. Từ những **mé đĩa lục bình, đám trâm bầu, chòm quao, trái giác** nấu canh chua bông súng đến cách gọi tên nhân vật: **anh Hai Nhớ, dì út Thu Lý, dì Tư, út Thà, Sáu Tâm...** hay lời ăn tiếng nói thường ngày: **trời đất, chèn ơi, đúng chóc hà, nói gì lăng xet vậy ta, nói chơi hoài, như vậy, chút đỉnh, mình ên...** đều gợi lên dáng hình thiên nhiên, con người xứ sở miền Nam. Có lần chị đã tự bộc bạch về văn mình một cách rất thật thà trước các đối tượng độc giả *Đôi lúc ví văn của mình như quả sầu riêng, người thích thì nói nó thơm, người không thích thì chê rằng thúi*.

Văn của Nguyễn Ngọc Tư có nhiều so sánh, liên tưởng độc đáo. Tả dòng sông như một người bạn tâm tình với nhiều từ láy: “Đêm sông trăng, ngòi trên nhà có thể nhìn thấy một dòng chảy **lúu rúu, sáng loáng**. Ban đêm, con sông trước nhà tôi không ngủ, nó thức theo những chiếc tàu **rầm rì** chảy qua, theo tiếng mái chèo quẩy chách bụp rất đều”. Có những câu văn kể xen tả thật ấn tượng, gợi cảm: “Bây giờ, **gió chướng non xập xòe** trên khắp cánh đồng bất tận. Ven các bờ ruộng, bông cỏ mực như những đường viền nhỏ **liu riu** làm dịu lại mảng rực vàng của lúa.

Chất giọng đặc sệt của miệt vườn Nam Bộ không lẫn vào đâu được: Buổi chiều đi làm mướn về, họ **tụt xuống ao tắm tấp** thứ nước **chua lét vì phèn**, rồi xối lại đúng hai gàu. Nước vo com dùng để rửa rau, rửa rau xong dành rửa cá. Cảnh sắc Nam Bộ tràn vào

trong tác phẩm gần gũi, tự nhiên như chính vùng đất ấy: Cù lao Mút Cà Tha nằm gần cuối sông Dài, trên nó một chút có một nhánh sông khác rẽ về phía mặt trời, **rộn rịp được đoạn đó rồi thôi**”.

Còn đây là miêu tả tâm lý nhân vật có số phận hẩm hiu, éo le: “Bữa kia mới ác, thấy Bi lon ton chơi một mình ngoài sân, bỗng không tìm được, Xuyên xóc Bi lên chạy một đoạn rồi thất thần dừng sững lại, kêu lên hai tiếng, **trời ơi, mình làm khổ nó rồi, mình nghèo như vậy...**” (Duyên phận so le)

Ở *Cánh đồng bất tận*, giọng văn của Tư thật day dứt, trần trụi: “Sau giấc ngủ dài, bản năng nó không trở dậy. **Trái tim nó chỉ là hòn than nhỏ, không thể hâm nóng lại cơ thể đã ngả màu tro**. Sợi dây xúc cảm như lối đi lâu lắm không người lui tới, cỏ dại mọc bít mắt, đường đứt, cầu gãy. Ở đó luôn ẩn chứa những trần trụi, suy tư và nỗi niềm yêu thương: Đàn bà, với cha, càng trải nghiệm càng chán chường. Càng gieo rắc càng đau. **Vết thương cũ mở miệng toang hoác, không da thịt nào có thể lấp đầy...**”

Nhà văn Nguyễn Ngọc đã nhận xét về văn Nguyễn Ngọc Tư: *Mấy năm nay chúng ta đều rất thích Nguyễn Ngọc Tư. Cô ấy như một cái cây tự nhiên mọc lên giữa rừng tràm hay rừng đước Nam Bộ vậy, tươi tắn lạ thường, đem đến cho văn học một luồng gió mát rượi, tinh tế mà chân chất, chân chất mà tinh tế, đặc biệt “Nam Bộ” một cách như không, chẳng cần chút cố gắng nào như các tác giả Nam Bộ đi trước...*

Nói đến phương ngữ Nam Bộ ta không thể không nhắc đến tác giả viết ký xuất sắc Võ Đắc Danh trong những năm gần đây. Hãy chậm chậm đọc một đoạn văn trong bài ký *Mẹ tôi* của anh để thưởng thức chất Nam Bộ ấy: *Mẹ tôi phải ra đồng từ lúc hừng đông cho đến khi hàng xóm lên đèn, tấm thân gầy lằn mò trên bờ mẩu giữa tiếng nhái bầu đồng thanh một khúc nhạc buồn trên đồng nước bao la khi trời chạng vạng. Đêm đêm, tôi ngủ bằng điệu ru của tiếng ống bả chấp chân trong căn nhà dột nát, mẹ phải che cho tôi bằng những tấm lá chằm.*

Còn thơ thì nhiều tác giả đưa phương ngữ Nam Bộ vào khá thành công. Trong đó phải kể đến các nhà thơ: Lê Chí, Nguyễn Bá, Kim Ba, Vũ Hồng, Trịnh Bửu Hoài, Phù Sa Lộc, Lê Thanh My, Đinh Thị Thu Vân, Song Hảo, Thu Nguyệt, Thái Sắc, Trương Trọng Nghĩa, Lê Ái Siêm, Thái Hồng, Huỳnh Thúy Kiều... Xin dẫn đôi câu thơ Vũ Hồng trong bài “Người phương Nam” để bạn đọc rõ hơn một nét tính cách của người Nam Bộ rất hào phóng, hào hiệp, điệu nghệ, bao dung:

*Người phương Nam khá sắc
Người phương Nam ngày xưa áo tơ
Dòng Hàm giang cuồn sóng không lời
Đêm sâu đối ẩm tràn chung rượu
Rượu say **tim bốc đến tận trời**
... Người phương Nam say thì say trọn
Người phương Nam buồn thì buồn sâu.*

Và đây là những câu thơ đầy ám ảnh của nhà thơ trẻ Huỳnh Thúy Kiều ở Cà Mau:

Cá lìm lìm rượt nhau xé dòng vọng tưởng

Châu thổ buồn thềm vực khúc đổ quên.

(Theo em về vùng cổ tích)

Con để nhủi khóc đêm thanh vắng

Lẻ bạn tình nước mắt chảy trắng non.

(Nói với quê hương)

4. Tuy nhiên, khi lạm dụng phương ngữ Nam Bộ quá nhiều thì sẽ làm cho câu văn, câu thơ thêm rối rắm, khó hiểu đối với nhiều người ở những vùng, miền khác, làm giảm sự trong sáng của tiếng Việt. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong phương ngữ Nam Bộ nói riêng và ngôn ngữ nói chung là một điều cần thiết trước sự xâm thực của ngôn ngữ ngoại lai trong thời hội nhập. Ngày nay, trước sự bùng nổ về thông tin trên các phương tiện truyền thông như báo nói, báo hình, báo viết, báo điện tử trên internet... nhiều người dùng “ngôn ngữ lóng” để buôn bán, hay “ngôn ngữ chat” của giới trẻ để giao lưu, và sáng tác trên các website, blog làm mất đi bản sắc của ngôn ngữ tiếng Việt. Đây là một đoạn thơ có một số từ là ngôn ngữ tin học: “*Miền **domain** anh vẫn mãi đi tìm/ Lạc chốn nào trong hàng triệu **website**/ Đến thăm em bằng địa chỉ **email**/ Niềm thương nhớ trái dài trên **keyboard**/ Chân tình em chẳng thể nào **downboard**...*” (Tình yêu tin học - Văn Thông đăng trên báo QĐND). Đó là điều đáng báo động!

Tóm lại: Việc giao tiếp với học sinh và việc giảng dạy Ngữ văn địa phương của các thầy cô giáo khu vực ĐBSCL hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Hiện tượng học sinh và giáo viên ĐBSCL nói sao viết vậy còn rất nhiều. Viết sai chính tả, ngữ pháp làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Nếu ta biết đưa phương ngữ Nam Bộ vào bài giảng đúng lúc, đúng chỗ để so sánh cho học sinh thấy được cái hay cái đẹp cũng như những hạn chế của phương ngữ đó sẽ tạo được dấu ấn riêng làm cho bài giảng thêm sinh động. Một số phương ngữ Nam Bộ tuy không hề có trong ngôn ngữ ở miền Trung hay miền Bắc nhưng nó sẽ góp phần làm phong phú vốn từ vựng tiếng Việt. Việc nghiên cứu cách phát âm sai của từng địa phương để đưa vào giảng dạy giúp học sinh nói và viết theo chuẩn tiếng Việt là việc làm rất cần thiết. Vấn đề này nếu được các địa phương nghiên cứu đưa vào giảng dạy trong các trường phổ thông sẽ góp phần nâng cao chất lượng kỹ năng giao tiếp, làm giảm tối thiểu hiện tượng học sinh viết sai chính tả. Từ đó nâng cao một bước chất lượng dạy và học văn ở khu vực ĐBSCL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Ái (Chủ biên), *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, NXB Tp. HCM, 1984.
2. Trần Ngọc Lang, *Phương Ngữ Nam Bộ*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995.
3. Vương Hồng Sển, *Tự vị Tiếng Việt miền Nam*, NXB Văn học, 1993
4. Huỳnh Công Tín, *Từ điển Từ ngữ Nam Bộ*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
5. Huỳnh Công Tín, *Cảm nhận bản sắc Nam Bộ*, NXB Văn hóa - Thông tin, 2006.

6. *Từ điển Tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ (Hà Nội - Việt Nam năm 1992).
7. *Từ điển Văn học* - Tập I & II, NXB Khoa học và Xã hội 1983 - Biên khảo của Sơn Nam (Nói về miền Nam, Cá tính miền Nam, Thuần phong mỹ tục Việt Nam) - NXB Trẻ 2007.
8. Nhiều tác giả, *Văn hóa sông nước Cần Thơ*, NXB Văn Nghệ, 2009.
9. Khoa Ngữ văn Đại học Cần Thơ, *Ca dao- dân ca Đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Văn Nghệ 2001
10. Một số truyện ngắn và tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, Lê Văn Thảo, Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Khai Phong, Nguyễn Ngọc Tư, Nguyễn Thị Diệp Mai, Anh Động, Anh Đào, Trần Nguyên Ý Anh...
11. Ký của Trần Thanh Giao, Võ Đắc Danh, Phan Trung Nghĩa...
12. Một số tập thơ của các tác giả: Lê Chí, Phù Sa Lộc, Vũ Hồng, Kim Ba, Trịnh Bửu Hoài, Nguyễn Bá, Thái Sắc, Huỳnh Thúy Kiều...
13. Một số bài viết trên báo, Internet của các tác giả: Phạm Văn Tình, Đông La, Võ Tấn Cường, Ngô Khắc Tài, Nguyễn Thị Hoa, Bùi Thị Ngọc Ánh, Hồ Trường, Lê Văn Thảo, Tiểu Quyên, Nguyễn Hữu Hồng Minh, Trương Trọng Nghĩa, Phạm Đình Minh, Tiêu Đình, Thái Phan Vàng Anh, Nguyễn Ngọc Tấn...